

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI NHÂN VĂN

ĐỀ THI CUỐI KỲ HỌC PHẦN
Học kỳ I, Năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Học phần: Viết tiếng Trung 5	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 231_71MAW540213	Mã nhóm lớp học phần: 231_71MAW540213_01
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Nâng cao thêm vốn từ vựng hơn 700 từ, và vận dụng kiến thức từ vựng để xác nhận từ loại, chức năng, điểm giống và khác nhau giữa các từ đồng/ cận nghĩa.	Trắc nghiệm	15% 15%	Phần 1 Phần 2	1.4 1.6	
CLO 2	Vận dụng thành thực các cấu trúc ngữ pháp trong bài để ứng dụng vào bài tập liên quan	Tự luận	25% 25% 20%	Phần 1 Phần 2 Phần 3	3.0 2.5 1.5	

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1).

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

I. Thông tin chung

Học phần: Viết tiếng Trung 5	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 231_71MAW540213	Mã nhóm lớp học phần: 231_71MAW540213_01
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

II. Nội dung câu hỏi thi

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

PHẦN MỘT

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 1 (0.2 điểm): 这件事发生得很 () 大家都没有想到。

- A. 突然 C. 当然
B. 忽然 D. 虽然

ANSWER: A

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 2 (0.2 điểm): () 事情已经发生了, 就不要后悔了。

- A. 既然 C. 由于
B. 所以 D. 即使

ANSWER: A

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 3 (0.2 điểm): 她是我 () 的姑娘。

- A. 心爱 C. 热情
B. 热爱 D. 爱心

ANSWER: A

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 4 (0.2 điểm): 她难过得说 () 了。

- A. 不下去 C. 不起来
B. 不下来 D. 不出来

ANSWER: A

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 5 (0.2 điểm): 我弟弟 () 就要毕业了。

- A. 马上 B. 立刻

C. 赶紧

D. 快要

ANSWER: A

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 6 (0.2 điểm): 人 () 要死的, 这是自然规律, 谁也逃避 (/táobì/: tránh khỏi) 不了。

A. 总是

C. 终于

B. 根本

D. 既然

ANSWER: A

CHỌN TỪ THÍCH HỢP ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 7 (0.2 điểm): () 我考上大学, 爸爸 () 带我去上海迪士尼。

A. 只要...就...

C. 既然...就....

B. 因为...所以...

D. 不管...都...

ANSWER: A

PHẦN HAI

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 1 (0.2 điểm): (A) 那位老人 (B) 没走好, (C) 摔倒了 (D) 【一下子】

A. (C)

C. (B)

B. (A)

D. (D)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 2 (0.2 điểm): 这一个星期 (A) 我就收 (B) 到 (C) 五份礼物 (D) 。【了】

A. (C)

C. (D)

B. (B)

D. (A)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 3 (0.2 điểm): (A) 这只是个人的看法, (B) 这样做好不好, (C) 请你们 (D) 再考虑一下儿。【至于】

A. (B)

C. (C)

B. (A)

D. (D)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 4 (0.2 điểm): 这篇课文太长, (A) 有几个同学没有 (B) 学过, (C) 选另外的课文 (D) 吧。【再说】

A. (A)

B. (C)

C. (B)

D. (D)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 5 (0.2 điểm): 不管做什么, (A) 都要 (B) 自己的 (C) 努力 (D)。【靠】

A. (B)

C. (D)

B. (A)

D. (C)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 6 (0.2 điểm): 听了 (A) 这些话, 他 (B) 表示 (C) 也没有 (D)。【任何】

A. (B)

C. (D)

B. (A)

D. (C)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 7 (0.2 điểm): 我 (A) 是 (B) 为这件事 (C) 才去 (D) 找他的。【专】

A. (B)

C. (D)

B. (A)

D. (C)

ANSWER: A

CHỌN VỊ TRÍ THÍCH HỢP CHO TỪ TRONG NGOẶC

Câu 8 (0.2 điểm): (A) 他到 (B) 现在 (C) 还没来, (D) 不来了。【多半】

A. (D)

C. (B)

B. (A)

D. (C)

ANSWER: A

B. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

PHẦN MỘT

SỬA CÂU SAI

Câu 1 (0.5 điểm): 山本一连三天不上课了。

Đáp án Câu 1: 山本一连三天没上课了。

SỬA CÂU SAI

Câu 2 (0.5 điểm): 我很爱赵霞, 但是她不知不觉。

Đáp án Câu 2: 我很爱赵霞, 但是她并不知道。

SỬA CÂU SAI

Câu 3 (0.5 điểm): 不但他不上课, 而且去玩儿。

Đáp án Câu 3: 他不但不上课, 而且去玩儿。

SỬA CÂU SAI

Câu 4 (0.5 điểm): 今天该上口语课, 老师不料没来。

Đáp án Câu 4: 今天该上口语课, 不料老师没来。

SỬA CÂU SAI

Câu 5 (0.5 điểm): 我们明天马上去跟他见面, 今天先给他打电话。

Đáp án Câu 5: 我们明天去跟他见面, 今天先给他打电话。

SỬA CÂU SAI

Câu 6 (0.5 điểm): 我等了半天, 他还是没来, 白白等了。

Đáp án Câu 6: 我等了半天, 他还是没来, 白等了。

PHẦN HAI

SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH

Câu 1 (0.5 điểm): 她/ 余辉讲/ 竟然/ 的/ 相信/ 鬼故事

Đáp án Câu 1: 她竟然相信余辉讲的鬼故事。

SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH

Câu 2 (0.5 điểm): 终于/ 的愿望/ 留学/ 实现了/ 去中国

Đáp án Câu 2: 去中国留学的愿望终于实现了。

SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH

Câu 3 (0.5 điểm): 不过/ 房间/ 一个人/ 够住了/ 不大

Đáp án Câu 3: 房间不大, 不过一个人够住了。

SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH

Câu 4 (0.5 điểm): 把/ 放在了/ 偷偷/ 我的书包里/ 一封信/ 他

Đáp án Câu 4: 他偷偷把一封信放在了我的书包里。

SẮP XẾP TỪ THÀNH CÂU HOÀN CHỈNH

Câu 5 (0.5 điểm): 看得/ 精彩表演/ 让/ 中国演员/ 入迷/ 的/ 大家

Đáp án Câu 5: 中国演员的精彩表演让大家看得入迷。

PHẦN BA

HOÀN THÀNH CÂU VỚI TỪ GỢI Ý

Câu 1 (0.5 điểm):

A: 他下学期还在这儿学习吗?

B: _____。(仍然)

Đáp án Câu 1: B: 他仍然在这儿学习。

HOÀN THÀNH CÂU VỚI TỪ GỢI Ý

Câu 2 (0.5 điểm):

A: 你昨天不是跟他一起去的吗?

B: 没有啊, _____。(根本)

Đáp án Câu 2: B: 没有啊, 昨天我根本没见到他。

HOÀN THÀNH CÂU VỚI TỪ GỢI Ý

Câu 3 (0.5 điểm): 来中国以前, 我_____。(一点儿...也不...)

Đáp án Câu 3: 来中国以前, 我一点儿汉语也不会说。

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

TS. Nguyễn Tiến Lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2024

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



ThS. Trương Mỹ Vân